

# CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ QUANG TRUNG

## CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

### 1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ QUANG TRUNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: QUANG TRUNG CONSTRUCTION TRADING AND SERVICES JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0107831342

**3. Ngày thành lập:** 08/05/2017

### 4. Địa chỉ trụ sở chính:

Đội 7, thôn Ngọc Hồi, Xã Ngọc Hồi, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 04 6662 9229

Fax:

Email:

Website:

### 5. Ngành, nghề kinh doanh:

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Mã ngành |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4311     |
| 2.  | Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4210     |
| 3.  | Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 2394     |
| 4.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4330     |
| 5.  | Đại lý, môi giới, đấu giá                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4610     |
| 6.  | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ đồ ngũ kim trong các cửa hàng chuyên doanh;<br>- Bán lẻ sơn, màu, véc ni trong các cửa hàng chuyên doanh;<br>- Bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát sỏi và vật liệu xây dựng khác trong các cửa hàng chuyên doanh; | 4752     |
| 7.  | Vận tải hành khách đường bộ khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4932     |
| 8.  | Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 2396     |
| 9.  | Sản xuất các cấu kiện kim loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 2511     |
| 10. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn xi măng;<br>- Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi;<br>- Bán buôn sơn, véc ni;<br>- Bán buôn đồ ngũ kim;<br>- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                           | 4663     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |             |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 11. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ<br>Chi tiết:<br>- Hoạt động liên quan tới vận tải hành khách, động vật hoặc hàng hoá bằng đường bộ;<br>- Hoạt động của các bến, bãi ô tô, điểm bốc xếp hàng hoá;<br>- Hoạt động quản lý đường bộ, cầu, đường hầm, bãi đỗ xe ô tô hoặc gara ô tô, bãi đỗ xe đạp, xe máy; | 5221        |
| 12. | Xây dựng nhà các loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4100        |
| 13. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4290(Chính) |
| 14. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4312        |
| 15. | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 2592        |
| 16. | Đúc sắt, thép                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 2431        |
| 17. | Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 2599        |
| 18. | Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 2732        |
| 19. | Sản xuất thiết bị điện khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 2790        |
| 20. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4662        |
| 21. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)                                                                                                                                                                                                                                                          | 4931        |
| 22. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4933        |
| 23. | Cho thuê xe có động cơ<br>Chi tiết:<br>Cho thuê ô tô<br>Cho thuê xe có động cơ khác                                                                                                                                                                                                                                                          | 7710        |
| 24. | Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 9329        |
| 25. | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê                                                                                                                                                                                                                                                        | 6810        |
| 26. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;<br>(Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)                                                                        | 8299        |
| 27. | Dịch vụ phục vụ đồ uống                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 5630        |
| 28. | Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 2395        |
| 29. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 5510        |
| 30. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 5610        |
| 31. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)                                                                                                                                                                                                                                | 5621        |
| 32. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 5210        |

**6. Vốn điều lệ:** 20.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VNĐ/Cổ phần

Thời gian đăng từ ngày 08/05/2017 đến ngày 07/06/2017

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:****8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông        | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|--------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN THỊ HẢI YẾN | Đội 9, thôn Ngọc Hồi, Xã Ngọc Hồi, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam       | Cổ phần phổ thông | 600.000    | 6.000.000.000         | 30,000    | 001184014328                                                                                |         |
|     |                    |                                                                                      | Tổng số           | 600.000    | 6.000.000.000         | 30,000    |                                                                                             |         |
|     |                    |                                                                                      |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | TRẦN NGỌC SON      | Xóm Ao Dài, thôn Tụ Khoát, Xã Ngũ Hiệp, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam  | Cổ phần phổ thông | 1.000.000  | 10.000.000.000        | 50,000    | 001096007971                                                                                |         |
|     |                    |                                                                                      | Tổng số           | 1.000.000  | 10.000.000.000        | 50,000    |                                                                                             |         |
|     |                    |                                                                                      |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 3   | NGUYỄN VĂN THAO    | Đội 9, thôn Ngọc Hồi, Xã Ngọc Hồi, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam       | Cổ phần phổ thông | 400.000    | 4.000.000.000         | 20,000    | 001083020214                                                                                |         |
|     |                    |                                                                                      | Tổng số           | 400.000    | 4.000.000.000         | 20,000    |                                                                                             |         |
|     |                    |                                                                                      |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |

**9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:**

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

**10. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: NGUYỄN THỊ HẢI YẾN

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 06/11/1984

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 001184014328

Ngày cấp: 20/05/2016

Nơi cấp: *Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Đội 9, thôn Ngọc Hồi, Xã Ngọc Hồi, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Đội 9, thôn Ngọc Hồi, Xã Ngọc Hồi, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội